

Số: 2605949

|                                                | Mazda CX-3 1.5L AT                      | Kia New Morning AT          |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>527.000.000đ</b>                     | <b>439.000.000đ</b>         |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                         |                             |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4275 x 1765 x 1535                      | 3,595 x 1,595 x 1,495       |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2570                                    | 2400                        |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                                    | 4,7                         |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 155                                     | 151                         |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1210                                    |                             |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1660                                    |                             |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 350                                     | 255                         |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 48                                      | 35                          |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                       | 5                           |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                        | SX-LR trong nước            |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                         |                             |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 1.5L                         | Xăng, Kappa 1.25L           |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                                    | 1248                        |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 110 / 6000                              | 83 / 6000                   |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 144 / 4000                              | 122 / 4,000                 |
| Hộp số                                         | 6AT                                     | 4AT                         |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                         | Cầu trước (FWD)             |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                      | McPherson                   |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn                              | Thanh xoắn                  |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                     | Đĩa                         |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                     | Tang trống                  |
| Thông số lốp xe                                | 215/60 R16                              | Mâm đúc hợp kim, 185/55 R15 |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 7.9                                     |                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 4.79                                    |                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 5.91                                    |                             |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                       |                             |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                            |                             |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC |                             |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                         |                             |
| Cụm đèn trước                                  | Halogen                                 | Halogen                     |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | -                                       |                             |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                                       |                             |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | Chỉnh điện 5 vị trí                     |                             |
| Đèn ban ngày LED                               | Halogen                                 | Halogen                     |
| Cụm đèn sau                                    | Halogen                                 | Halogen                     |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                       | Có sấy và tích hợp báo rẽ   |
| Gạt mưa tự động                                | -                                       |                             |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                                         |                             |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                                       | Urethane                    |
| Chất liệu ghế                                  | Nỉ                                      | Da simili                   |

|                                            |                  |            |
|--------------------------------------------|------------------|------------|
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                | ●          |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                | ●          |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                |            |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | Analog & Digital | LCD        |
| Màn hình giải trí trung tâm                | AVN 7"           | Android 8" |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●                | Không dây  |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | Chỉnh cơ         | Chỉnh cơ   |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 1                |            |
| Chìa khóa thông minh                       | ●                |            |
| Khởi động nút bấm                          | ●                |            |
| Hệ thống âm thanh                          | 4 loa            | 4 loa      |
| Phanh đỗ điện tử                           | ●                |            |
| Giữ phanh tự động Autohold                 | ●                |            |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                 | ●                | ●          |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |                  |            |
| Số túi khí                                 | 2                | 2          |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●                | ●          |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●                | ●          |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ●                | ●          |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ●                |            |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●                |            |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●                |            |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●                |            |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●                |            |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●                | ●          |